

Mã số mẫu : 0434.21

Ngày : 10/05/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 04/05/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn Sơn Đông
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 04/05/2021
Thời gian thử nghiệm : 04/05– 07/05/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	Escherichia coli CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	7,90	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,65	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	1,0	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA



Phan Thập Huy



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ $k=2$.

Mã số mẫu : 0435.21

Ngày : 10/05/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 04/05/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Quán chay Chợ Lạc Hồng
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 04/05/2021
Thời gian thử nghiệm : 04/05– 07/05/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,59	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,3	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0435.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA



Phan Thập Huy



Phạm Hồng Chải

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 0436.21

Ngày : 10/05/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 04/05/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : 146C Tổ 9, KP3, Phường 7
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 04/05/2021
Thời gian thử nghiệm : 04/05– 07/05/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,58	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,3	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0436.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA



Phan Thập Huy



Phạm Hồng Thái

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ $k=2$.

Mã số mẫu : 0438.21

Ngày : 10/05/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 05/05/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn Nhà máy An Hiệp
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 05/05/2021
Thời gian thử nghiệm : 05/05– 07/05/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,69	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,91	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0438.21

Ghi chú:

- Mẫu lông, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA



Phan Thập Huy



Phạm Hồng Thái

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 0439.21

Ngày : 10/05/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 05/05/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Giữa nguồn Hộ Cẩm Vân cầu Cây Da
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 05/05/2021
Thời gian thử nghiệm : 05/05– 07/05/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	Escherichia coli CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,57	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,62	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA

Phan Thập Huy



Phạm Hồng Chải

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ $k=2$.

Mã số mẫu : 0440.21

Ngày : 10/05/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Ngày lấy mẫu (*) : 05/05/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Cuối nguồn trạm Tăng áp Hàm Luông
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 05/05/2021
Thời gian thử nghiệm : 05/05– 07/05/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,64	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,88	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0440.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA

Phan Thập Huy



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phù k=2.

Mã số mẫu : 0441.21

Ngày : 10/05/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 05/05/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn Sơn Định Chợ Lách
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 05/05/2021
Thời gian thử nghiệm : 05/05– 07/05/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	Escherichia coli CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,68	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,89	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0441.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA

Phan Thập Huy



Phạm Hồng Thái

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 0442.21

Ngày : 10/05/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 05/05/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Giữa nguồn Cafe Trăn KP4, thị trấn Chợ Lách
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 05/05/2021
Thời gian thử nghiệm : 05/05– 07/05/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	Escherichia coli CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,67	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,53	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0442.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA

Phan Thập Huy

Phạm Hồng Thái

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 0443.21

Ngày : 10/05/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 05/05/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Cuối nguồn Cầu Đình Hòa Thạnh, xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 05/05/2021
Thời gian thử nghiệm : 05/05– 07/05/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	Escherichia coli CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,71	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,35	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0443.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA



Phan Thập Huy



Phạm Hồng Chải

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ $k=2$.

Mã số mẫu : 0456.21

Ngày : 13/05/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 10/05/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn Chi nhánh cấp nước Phú Tân
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 10/05/2021
Thời gian thử nghiệm : 10/05– 12/05/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	Escherichia coli CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,26	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,86	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0456.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA



Phan Thập Huy



Phạm Hồng Chải

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 0457.21

Ngày : 13/05/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 10/05/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Giữa nguồn: Chùa Quan Âm
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 10/05/2021
Thời gian thử nghiệm : 10/05– 12/05/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,29	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,61	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0457.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA

Phan Thập Huy



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 0458.21

Ngày : 13/05/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 10/05/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Cuối nguồn: Khu công nghiệp Giao Long
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 10/05/2021
Thời gian thử nghiệm : 10/05– 12/05/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,31	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,34	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0458.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA

Phan Thập Huy

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ $k=2$.

Mã số mẫu : 0461.21

Ngày : 17/05/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 11/05/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn Lương Quới
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 11/05/2021
Thời gian thử nghiệm : 11/05– 17/05/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	Escherichia coli CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,03	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,90	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

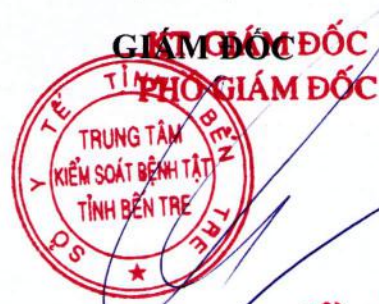
Mã số mẫu: 0461.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA

Phan Thập Huy



Phạm Hồng Châu

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 0462.21

Ngày : 17/05/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Ngày lấy mẫu (*) : 11/05/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Giữa nguồn Chi nhánh cấp nước Giồng Trôm
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 11/05/2021
Thời gian thử nghiệm : 11/05– 17/05/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	Escherichia coli CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	6,93	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,60	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đầy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA

Phan Thập Huy



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 0463.21

Ngày : 17/05/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VLAT 1.229
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Ngày lấy mẫu (*) : 11/05/2021
Địa điểm lấy mẫu (*) : Cuối nguồn Bình Thành
Lượng mẫu : 01 chai x 200ml + 01 bình x 01 lít
Ngày nhận mẫu : 11/05/2021
Thời gian thử nghiệm : 11/05– 17/05/2021

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	Escherichia coli CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (a)	15	KPH MLOD=2,50 TCU	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017 (a)	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	6,96	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,4	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu: 0463.21

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít có đậy nắp kín.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA



Phan Thập Huy



KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Hồng Thái

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.



SỞ Y TẾ BẾN TRE
ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bến tre, ngày 06 tháng 5 năm 2021

BIÊN BẢN

Kiểm tra hoạt động cấp nước sạch sử dụng cho mục đích
sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre

A. THÔNG TIN CHUNG:

- Tên đơn vị cấp nước: Nhà máy nước Phú Tân
- Địa chỉ: KP1, Phú Tân, TP Bến Tre
- Công suất thiết kế: 9500 m³/ngày / Tổng số hộ gia đình được cung cấp nước: 3215
- Nguồn nước nguyên liệu: nước sông
- Thời gian kiểm tra: lúc 10 giờ 45 phút, ngày 06 tháng 5 năm 2021
- Thành phần tham dự:

6.1. Đoàn kiểm tra :

- Ông Lê Thanh Huyền - Chánh Thanh tra Sở Y tế
- Ông Lê Hồng Vũ - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh
- Ông Dương Minh Kha - Thanh tra viên Sở Y tế
- Bà Đặng Thị Phương Thảo - Trung tâm - KSĐT

6.2. Đơn vị được kiểm tra:

- Ông Phan Thanh Bình - Phó Tổng Giám đốc CTY cấp nước nước Bến Tre
- Ông Diệp Văn Sơn - Giám đốc TMM Phú Tân
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu - nhân viên

- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước: 01 lý hóa + 01 vi sinh

B. VIỆC THỰC HIỆN NỘI KIỂM CỦA ĐƠN VỊ CẤP NƯỚC:

- Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước: Có sổ theo dõi hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước
- Tần suất thực hiện chế độ nội kiểm: Theo lịch theo dõi theo QCVN 01-1: 2018/B.T

3. Tình hình chất lượng nước: Kết quả nội kiểm chất lượng nước đạt quy chuẩn

4. Thực hiện chế độ công khai thông tin và báo cáo chất lượng nước: Có thực hiện theo quy định

C. NỘI DUNG KHÁC

Cổ sở có than bị lộ thấy lúc mình PD

D. KẾT LUẬN:

Cổ sở có thực hiện chế độ nội kiểm chất lượng nước theo quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018

Đ. KIẾN NGHỊ:

Cổ sở duy trì thực hiện chế độ nội kiểm dung quy định, đảm bảo cung cấp nước đạt chất lượng

Biên bản được lập thành 02 bản Đoàn kiểm tra giữ 01 bản và đơn vị cấp nước được kiểm tra giữ 01 bản.

Biên bản kết thúc lúc 11 giờ 30 ngày 06 tháng 5 năm 2021

Đại diện đơn vị cấp nước



Diệp Văn Pua

Đại diện Đoàn kiểm tra

Lê Thanh Huyền

BIÊN BẢN LẤY MẪU NƯỚC

Ngày ..6..tháng ..5...năm 2021

- Tên cơ sở lấy mẫu:NMN.....Phước Tân.....
- Địa chỉ:phường Phước Tân, Tp. Bến Tre.....
- Nguồn nước:nước sông.....
- Địa điểm lấy mẫu:đầu nguồn.....
- Thời gian lấy mẫu:11h ngày 6/5/2021.....
- Số lượng mẫu:01 LH + 01 VS.....
- Nồng độ clo dư:.....
- Cảm quan nguồn nước:Nước trong, không mùi.....

Đại diện cơ sở


Nguyễn Thị Ngọc Châu

Người lấy mẫu


Đặng Thị Phương Thảo



SỞ Y TẾ BẾN TRE
ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bến tre, ngày 6 tháng 5 năm 2021

BIÊN BẢN

Kiểm tra hoạt động cấp nước sạch sử dụng cho mục đích
sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre

A. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên đơn vị cấp nước: Nhà máy nước Sơn Đông
2. Địa chỉ: Ấp 2, xã Sơn Đông, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
3. Công suất thiết kế: 30.000 m³/ngày / Tổng số hộ gia đình được cung cấp nước: 48.922 hộ
4. Nguồn nước nguyên liệu: Nước sông
5. Thời gian kiểm tra: lúc 8 giờ 10 phút, ngày 6 tháng 5 năm 2021
6. Thành phần tham dự:

6.1. Đoàn kiểm tra :

Ông Lê Thanh Huân - Chánh Thanh tra Sở Y tế
Ông Dương Minh Kha - Thanh tra viên Sở Y tế
Ông Lê Hồng Vũ - TT KSBT Bến Tre
Bà Đặng Thị Phương Thảo - TT KSBT Bến Tre

6.2. Đơn vị được kiểm tra:

Ông Phan Thanh Bình - Phó Tổng GD Cty. Cấp thoát nước BT
Bà Nguyễn Phạm Anh Tuyên - Phó Phòng Kỹ Thuật
Ông Tống Văn Đức - Phó GD NMN Sơn Đông

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước: 01 lý hóa + 01 Vi sinh

B. VIỆC THỰC HIỆN NỘI KIỂM CỦA ĐƠN VỊ CẤP NƯỚC:

1. Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước: Cơ sở có thực hiện lập hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước.

2. Tần suất thực hiện chế độ nội kiểm: 1 tháng 1 lần đối với các chỉ tiêu mức độ A. 6 tháng 1 lần đối với các chỉ tiêu mức độ B
(BCVN 02-1:2018/BYT)

3. Tình hình chất lượng nước: ... Kết quả xét nghiệm môi trường kiểm tra chất lượng nước đạt quy chuẩn

4. Thực hiện chế độ công khai thông tin và báo cáo chất lượng nước: ... Cơ sở có thực hiện chế độ công khai thông tin và báo cáo kết quả môi trường theo quy định

C. NỘI DUNG KHÁC

D. KẾT LUẬN:

Cơ sở thực hiện chế độ môi trường kiểm tra chất lượng nước theo quy định Thông tư 41/2018/TT-BYT

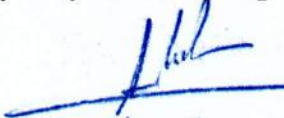
E. KIẾN NGHỊ:

Cơ sở duy trì thực hiện chế độ môi trường kiểm tra đúng quy định đảm bảo nguồn nước cấp đạt chất lượng

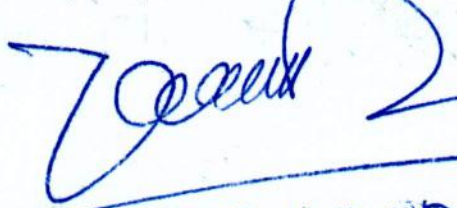
Biên bản được lập thành 02 bản Đoàn kiểm tra giữ 01 bản và đơn vị cấp nước được kiểm tra giữ 01 bản.

Biên bản kết thúc lúc 9 giờ 10 ngày 6 tháng 5 năm 2021

Đại diện đơn vị cấp nước


Tông Văn Được

Đại diện Đoàn kiểm tra


Lê Thanh Hân

BIÊN BẢN LẤY MẪU NƯỚC

Ngày ..6..tháng..5..năm 2021

- Tên cơ sở lấy mẫu:NMN...Sông Đông.....
- Địa chỉ:Ấp 2, xã Sông Đông, Tp. Bến Tre.....
- Nguồn nước:Nước sông.....
- Địa điểm lấy mẫu:Đầu nguồn.....
- Thời gian lấy mẫu:8g30' ngày 6/5/2021.....
- Số lượng mẫu:01 LH + 01 VS.....
- Nồng độ clo dư:0,8 mg/l.....
- Cảm quan nguồn nước:Nước trong, không màu.....

Đại diện cơ sở



Nguyễn Thị Kim Nhung

Người lấy mẫu



Đặng Thị Phương Thảo



SỞ Y TẾ BẾN TRE
ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bến tre, ngày 6 tháng 5 năm 2021

BIÊN BẢN

Kiểm tra hoạt động cấp nước sạch sử dụng cho mục đích
sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre

A. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên đơn vị cấp nước:.....Nhà máy nước An Hiệp.....
2. Địa chỉ:.....Khu Công nghiệp An Hiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành.....
3. Công suất thiết kế: 15000 m³/ngày / Tổng số hộ gia đình được cung cấp nước:.....
4. Nguồn nước nguyên liệu:.....Nước sông.....
5. Thời gian kiểm tra: lúc 9 giờ 35 phút, ngày 6 tháng 5 năm 2021.....
6. Thành phần tham dự:

6.1. Đoàn kiểm tra :

.....Ông Lê Thanh Huân - Phó Trưởng đoàn Sở Y tế.....
.....Ông Dương Minh Kha - Thanh tra viên Sở Y tế.....
.....Ông Lê Hồng Vũ - TT. KS.BT. Bến Tre.....
.....Bà Đặng Thị Phương Thảo - ".....

6.2. Đơn vị được kiểm tra:

.....Ông Phan Thanh Bình - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cấp nước BT.....
.....Bà Nguyễn Phạm Anh Tuyên - Phó Phòng Kỹ thuật.....
.....Ông Phan Ngọc Diệp - Giám đốc NMN An Hiệp.....

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước: 01. Kỹ thuật + 01. Vi sinh.....

B. VIỆC THỰC HIỆN NỘI KIỂM CỦA ĐƠN VỊ CẤP NƯỚC:

1. Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước:.....Cơ sở có thực hiện hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước.....
2. Tần suất thực hiện chế độ nội kiểm: 1 tháng 1 lần đối với các chỉ tiêu nước độ A, 6 tháng 1 lần đối với các chỉ tiêu nước độ B theo QCVN 02-1:2018/BYT.

3. Tình hình chất lượng nước: ... kết quả mỗi kiểm chất lượng nước...
... đạt quy chuẩn ...

4. Thực hiện chế độ công khai thông tin và báo cáo chất lượng nước: ... cơ sở có
... thực hiện chế độ công khai thông tin và báo cáo kết
... quả mỗi kiểm chất lượng nước ...

C. NỘI DUNG KHÁC

... Thời điểm kiểm tra, cơ sở đã đo mẫu nước 40 mg/l ...

D. KẾT LUẬN:

... Cơ sở thực hiện chế độ mỗi kiểm chất lượng nước
... theo quy định Thông tư 41/2013/TT-BYT ...

Đ. KIẾN NGHỊ:

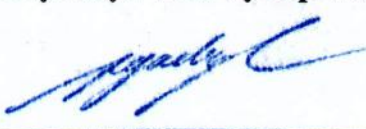
... Cơ sở duy trì thực hiện chế độ mỗi kiểm đúng quy
... định, đảm bảo cung cấp nguồn nước đạt chất lượng ...

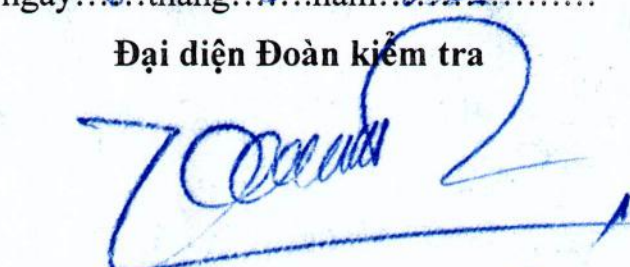
Biên bản được lập thành 02 bản Đoàn kiểm tra giữ 01 bản và đơn vị cấp nước được kiểm tra giữ 01 bản.

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 30 ngày 6 tháng 5 năm 2021

Đại diện đơn vị cấp nước

Đại diện Đoàn kiểm tra


Phan Ngọc Diệp


Lê Thanh Hiền
TỔNG TRƯỞNG

BIÊN BẢN LẤY MẪU NƯỚC

Ngày...6...tháng...5...năm 2021

- Tên cơ sở lấy mẫu:NMN.....An Hiệp.....
- Địa chỉ:KCN.....An Hiệp, xã An Hiệp, Châu Thành.....
- Nguồn nước:Nước.....sông.....
- Địa điểm lấy mẫu:Đầu.....nguồn.....
- Thời gian lấy mẫu:10 h.....ngày 6/5/2021.....
- Số lượng mẫu:01 LH.....+.....01 VS.....
- Nồng độ clo dư:0,7 mg/l.....
- Cảm quan nguồn nước:Nước.....trong, không màu.....

Đại diện cơ sở


Nguyễn Thị Kim Thuy

Người lấy mẫu


Đặng Thị Phương Thảo